

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên dự toán: Mua sắm Vật tư y tế Gói 15 năm 2025.
- Tên gói thầu: Cung cấp Vật tư y tế Gói 15 năm 2025 (gồm 5 phần (lô), 49 mặt hàng).
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Bình Dân.
- Địa điểm thực hiện gói thầu: số 371 Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí thường xuyên.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

##### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

###### **a) Yêu cầu về kỹ thuật chung**

- Toàn bộ các hàng hóa phải mới 100%, có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp;
- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói: Theo đúng quy định của Nhà sản xuất;
- Yêu cầu về vận chuyển: Hàng hóa phải được vận chuyển đến địa điểm theo yêu cầu tại Bệnh viện Bình Dân.
- Yêu cầu phải chịu trách nhiệm về các tài liệu cung cấp trong E-HSMT, trường hợp sai khác giữa bản gốc và bản dịch thì Bên mời thầu xem xét trên bản gốc. Trong trường hợp Bên mời thầu phát hiện ra sự không phù hợp, không trung thực của các tài liệu trên, nhà thầu được xem là gian lận và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.
- Các hàng hóa mà nhà thầu chào phải có mức độ tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu trong E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh về nội dung này.
- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa nêu trên, đảm bảo các yêu cầu cơ bản của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.
- Nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa của hãng khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật.

## b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
1	PP250 04870 15	Phần (lô) 1: Chỉ tan tổng hợp Glycomer các loại (Yêu cầu tham gia trộn phần (lô))					
1.1			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C, 26mm bao phủ Silicon.	<p>Chỉ khâu tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ bằng Glycomer (thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate), có gai số 3/0, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài 15cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, tan hoàn toàn 90-110 ngày.</li> <li>- Mật độ gai: 20 gai cùng chiều /cm, các gai xếp vòng quanh sợi chỉ. Thiết kế gai với góc cắt đôi giúp tăng lực giữ mô</li> <li>- Độ bền kéo <math>\geq 1.77</math> kgF</li> <li>- 1 kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 26mm bao phủ Silicon.</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FDA.</li> </ul>	G7	Tép	1.764

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
1.2			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer có gai số 3/0, dài 30cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 26mm.	<p>Chỉ khâu tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ bằng Glycomer (thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate), có gai số 3/0, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài 30cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, tan hoàn toàn 90-110 ngày.</li> <li>- Mật độ gai: 20 gai cùng chiều /cm, các gai xếp vòng quanh sợi chỉ. Thiết kế gai với góc cắt đôi giúp tăng lực giữ mô</li> <li>- Độ bền kéo <math>\geq 1.77</math> kgF</li> <li>- 1 kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 26mm bao phủ Silicon.</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FDA.</li> </ul>	G7	Tép	849
1.3			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glycomer có gai số 2/0, dài 15cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 27mm.	<p>Chỉ khâu tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ bằng Glycomer (thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate), có gai số 2/0, một đầu có vòng không cần buộc, dài 15cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, tan hoàn toàn 90-110 ngày.</li> <li>- Mật độ gai: 20 gai cùng chiều /cm, các gai xếp vòng quanh sợi chỉ. Thiết kế gai với góc cắt đôi giúp tăng lực giữ mô.</li> <li>- Độ bền kéo <math>\geq 2,68</math>kgF</li> <li>- 1 kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 27mm bao phủ Silicon.</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FDA.</li> </ul>	G7	Tép	360

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
2	PP250 04870 16	Phần (lô) 2: Chỉ tan tổng hợp Glyconate các loại (Yêu cầu tham gia trọn phần (lô))					
2.1			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 22mm.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + trimethylene) số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304), phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 28.66N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC.	G7,EU	Tép	3.912
2.2			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 17mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + trimethylene) số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304), phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 28.66N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC.	G7,EU	Tép	2.208
2.3			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số (4/0), dài 70cm, kim tròn 22mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + trimethylene) số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304), phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Sức căng	G7,EU	Tép	2.004

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
				kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC.			
2.4			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số (5/0), dài 70cm, kim tròn 17mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + trimethylene) số 5/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304), phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 13.81N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và EC.	G7,EU	Tép	684
3	PP250 04870 17	Phần (lô) 3: Chỉ nâng đỡ mô bằng silicon các loại (Yêu cầu tham gia trọn phần (lô))					
3.1			Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, không kim 1,5mm x 45cm.	Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu vàng	G7,EU	Tép	768
3.2			Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, không kim 2,5mm x 75cm.	Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, dài 75cm, rộng 2.5mm, màu xanh	G7,EU	Tép	620
4	PP250 04870 18	Phần (lô) 4: Chỉ tan và không tan các loại (Yêu cầu tham gia trọn phần (lô))					
4.1			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 1/0 (hay số 0), dài ≥ 90 cm,	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 0 (hay 1/0), dài ≥ 90 cm.		Tép	31.200

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
			kim tròn 1/2c, dài 40 mm	Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày. Kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485.			
4.2			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn số 3/0 dài ≥70cm, kim tròn đầu tròn dài 26 mm 1/2 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHA) ≤ 60 µg/m, số 3/0, dài ≥70cm. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày. Lực căng kéo khi thắt nút ≥ 1.78 kgf. Kim tròn 1/2c, dài 26 mm, bằng thép không gỉ 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim Ultraglyde. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Việt Nam/OE CD	Tép	13.000
4.3			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 4/0, dài 75cm, kim tròn dài 18mm ± 1mm, 1/2 vòng tròn.	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate số 4/0, dài 75 cm. Kim tròn 1/2c, dài 18mm ± 1mm, bằng thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Việt Nam/OE CD	Tép	10.848
4.4			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm.	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate số 3/0, dài 75 cm. Kim tròn 1/2c, dài 26 mm, bằng thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Việt Nam/OE CD	Tép	8.700
4.5			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 4/0, dài ≥70cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, phủ Poly (glycolide-co-Llactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 4/0, dài ≥70cm. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày. Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan	Việt Nam/OE CD	Tép	8.700

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
				hoàn toàn từ 56 - 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Kim tròn 1/2c, dài 22 mm, bằng thép không gỉ 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485			
4.6			Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, được dệt từ các sợi kén của sâu tơ tầm họ, có phủ sáp, màu đen. Chỉ bền chắc chắn, tròn, không gây hiện tượng mao dẫn. Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm.</li> <li>- Kim tròn 1/2c, dài 26mm, bằng thép không gỉ AISI 300 series (302), kim phủ silicon.</li> <li>- Đóng gói PVC - giấy tráng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, TCVN</li> </ul>		Tép	17.700
4.7			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 2/0, dài ≥ 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 2/0, dài ≥ 75 cm. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày. Kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và FDA		Tép	7.200
4.8			Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 4.0, dài 75cm, kim tròn 20mm.	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 4/0, dài 75 cm. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày. Kim tròn 1/2c, dài 20 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Việt Nam/OECD	Tép	8.320

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
4.9			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 26 mm	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 3/0, dài 75 cm. Kim tam giác 3/8c, dài 26 mm, bằng thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Tiệt trùng. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	30.000
4.10			Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm	- Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền, số 2/0, dài 75cm, được dệt từ các sợi kén của sâu tơ tằm, có phủ sáp, màu đen. Chỉ bền chắc chắn, sợi tròn, không gây hiện tượng mao dẫn. - Kim tròn 1/2c dài 26mm, bằng thép không gỉ AISI 300 series (302) phủ silicon. - Đóng gói PVC - giấy tráng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, TCVN		Tép	18.900
4.11			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chỉ dài 75cm, 2 kim thẳng dài 70mm	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 2/0, dài 75cm, 2 kim tròn thẳng, dài 70 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	2.600
4.12			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chỉ dài 90cm, 2 kim, kim tròn đầu cắt 26mm 1/2 vòng tròn.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 2/0, dài 90 cm. 2 kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 26 mm, bằng thép không gỉ 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	3.756

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
4.13			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài $\geq 70$ cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone được cấu thành từ 100% Poly (pdioxanone), số 3/0, dài $\geq 70$ cm. Kim tròn 1/2c, dài 26 mm, bằng thép không gỉ 302 phủ silicon XtraCoat. Tiết trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Việt Nam/OE CD	Tép	4.600
4.14			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylen số 0, dài 100cm, kim tròn, thân to 1/2C, dài 30 mm	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 0, dài 100 cm. Kim tròn 1/2c, dài 30 mm, bằng thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.		Tép	3.200
4.15			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene có phụ gia polyethylene glycol số 2/0, chỉ dài 90cm, 2 kim, kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene có phụ gia polyethylene glycol chống xước chỉ, số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C dài 26mm Tiêu chuẩn: ISO 13485 , TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	3.900
4.16			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0 dài $\geq 75$ cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 22mm 1/2 vòng tròn	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 4/0, dài $\geq 75$ cm. 2 kim tròn 1/2c, dài 22 mm bằng thép không gỉ 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485, TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	3.000
4.17			Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	- Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, không kim, số 3/0, dài 75cm x 12 sợi. Chỉ được dệt từ các sợi kén của sâu tơ tằm, có phủ sáp, màu đen. Chỉ bền chắc chắn, sợi tròn, không gây hiện tượng mao dẫn. - Đóng gói PVC - giấy trắng		Tép	6.200

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
				PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, TCVN.			
4.18			Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài ≥70cm, kim tròn 1/2c, dài 20mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone được cấu thành từ 100% Poly (pdioxanone), số 4/0, dài ≥70cm. Kim tròn 1/2c, dài 20 mm, bằng thép không gỉ 302 phủ silicon XtraCoat. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Việt Nam/OE CD	Tép	1.600
4.19			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C dài 8mm.	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 7/0, dài 60 cm. 2 kim tròn 3/8c, dài 8 mm, bằng thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	912
4.20			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 26mm 1/2 vòng tròn.	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 3/0, dài 90 cm. 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm, bằng thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	1.332
4.21			Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 26 mm.	Chỉ không tan tự nhiên silk số 1, dài 75 cm. Kim tròn 1/2c, dài 26 mm, bằng thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.		Tép	2.820
4.22			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 7/0, dài 75 cm. 2 kim tròn 3/8c,	Việt Nam/OE	Tép	650

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
			7/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 10mm 3/8 vòng tròn	dài 10 mm, bằng thép không gỉ 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.	CD		
4.23			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 10mm 3/8 vòng tròn.	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 6/0, dài 75 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	600
4.24			Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền số 2/0, không kim, mỗi sợi dài 75 cm	- Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, số 2/0 dài 75cm, tép/12 sợi, không kim. Chỉ được dệt từ các sợi kén của sâu tơ tằm, có phủ sáp, màu đen. Chỉ bền chắc chắn, sợi tròn, không gây hiện tượng mao dẫn. - Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, TCVN		Tép	2.000
4.25			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 18 mm	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.		Tép	2.460
4.26			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, dài 17mm 1/2 vòng tròn.	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn	Việt Nam/OE CD	Tép	504

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
				khuẩn hiệu quả Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.			
4.27			Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bện số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm.	Chỉ không tan tự nhiên số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng, độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	2.400
4.28			Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt, dài 10mm 3/8 vòng tròn.	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 8/0, dài 60 cm, 2 kim tròn đầu cắt 3/8c, dài 10 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và TCVN.	Việt Nam/OE CD	Tép	228
5	PP250 04870 19	Phần (lô) 5: Gạc và Gòn các loại (Yêu cầu tham gia trọn phần (lô))					
5.1			Gạc miếng 10cm x 10cm, 8 lớp	Gạc miếng 10cm x 10cm, 8 lớp: Được làm từ 100% sợi cotton, khả năng thấm hút cao, trắng mịn, không gây kích ứng da. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.		Miếng	1.303.000
5.2			Gạc bụng 40cm x 40cm, 6 lớp, cân quang tiết trùng	Gạc bụng 40cm x 40cm, 6 lớp, cân quang, tiết trùng: Được làm từ 100% sợi cotton, khả năng thấm hút cao, trắng mịn, không gây kích ứng da. Có sợi cân quang. Được may bốn góc và có dây quai. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.		Miếng	90.000
5.3			Gạc bụng 30cm x 40cm, 8 lớp, cân quang tiết trùng	Gạc bụng 30cm x 40cm, 8 lớp, cân quang, tiết trùng: Được làm từ 100% sợi cotton, khả năng thấm hút		Miếng	80.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
				cao, trắng mịn, không gây kích ứng da. Có sợi cản quang. Được may bốn góc và có dây quai. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.			
5.4			Gạc miếng 10cm x 10cm, 8 lớp, cản quang tiệt trùng	Gạc miếng 10cm x 10cm, 8 lớp, cản quang, tiệt trùng: Được làm từ 100% sợi cotton, khả năng thấm hút cao, trắng mịn, không gây kích ứng da. Có sợi cản quang. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.		Miếng	422.500
5.5			Gạc bao gòn 8cm x 12cm, gòn dày 1cm.	Gạc bao gòn 8cm x 12cm, gòn dày 1cm: Gồm 1 lớp bông 100% bông xơ tự nhiên được bọc ngoài bởi 1 lớp gạc hoặc vải không dệt, khả năng thấm hút cao, không gây kích ứng da. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.		Miếng	500.000
5.6			Gạc miếng 5cm x 5cm, 8 lớp	Gạc miếng 5cm x 5cm, 8 lớp: Được làm từ 100% sợi cotton, khả năng thấm hút cao, trắng mịn, không gây kích ứng da. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.		Miếng	500.000
5.7			Gạc mèche 2cm x 30cm, 6 lớp, cản quang, tiệt trùng.	Gạc mèche 2cm x 30cm, 6 lớp, cản quang, tiệt trùng: Thành phần của vải không dệt gồm polyester chiếm khoảng 30% và viscose chiếm khoảng 70%, không mùi, đã tiệt trùng.		Cuộn	65.000
5.8			Gạc dẫn lưu 1cm x 200cm, 4 lớp, tiệt trùng	Gạc dẫn lưu 1cm x 200cm, 4 lớp, tiệt trùng: Thành phần của vải không dệt gồm polyester chiếm khoảng 30% và viscose chiếm khoảng 70%, không mùi, đã tiệt trùng.		Cuộn	4.500
5.9			Gòn chích phi 1,5cm	Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên, khả năng thấm hút cao. Quy cách: phi 1,5cm.		Kg	800
5.10			Gòn cắt 2cm x 2cm	Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên, khả năng thấm hút cao. Quy cách: 2cm x 2cm		Kg	250

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
5.11			Gòn se phi 2,5cm	Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên, khả năng thấm hút cao. Quy cách: phi 2,5cm.		Kg	200
5.12			Gòn không thấm nước	Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, không thấm nước		Kg	5

**Ghi chú:**

Yêu cầu Tiêu chuẩn chất lượng:

+ CE: Theo Quy định (EU) 2017/745 (MDR) Hoặc CE theo Chỉ thị 93/42/EEC (MDD) nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 120 của Quy định (EU) 2017/745.

**1.3. Các yêu cầu khác**

- Nhà thầu đính kèm E-HSDT văn bản cam kết theo Phụ lục I tại Chương V của E-HSMT.

- Nhà thầu kê khai danh mục hàng hóa dự thầu và hợp đồng tương tự theo mẫu dưới đây

### **Hướng dẫn kê khai Danh mục hàng hóa dự thầu:**

- Nhà thầu phải cung cấp bảng kê khai chi tiết hàng hóa dự thầu (gồm file excel và bản scan có đóng dấu và chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công ty) đầy đủ thông tin như sau:

### **DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU (PHẦN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT)**

Tên nhà thầu: .....

Địa chỉ: .....

Email: .....

Số điện thoại người phụ trách thầu: .....

STT theo HSMT	Mã phân (lô)	Yêu cầu của E-HSMT				Đáp ứng yêu cầu của E-HSDT												
		Danh mục theo HSMT	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Thông số kỹ thuật	Tên thương mại	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành; Ngày cấp	Phân loại TTBY T (A,B, C,D); Số cấp; Ngày cấp	Thông số kỹ thuật	Đánh giá tính đáp ứng của thông số kỹ thuật dự thầu và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT	Tài liệu tham chiếu

..., ngày .... tháng ... năm .....

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Các cột thuộc phần Yêu cầu E-HSMT: Nhà thầu nhập các nội dung này theo nội dung trong E-HSMT cho các phần mà nhà thầu tham dự
- Các cột thuộc phần Nội dung E-HSDT: Ghi cụ thể các thông tin về hàng hóa dự thầu của nhà thầu.
- Tại cột Đánh giá tính đáp ứng của thông số kỹ thuật dự thầu và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu tự đánh giá tính đáp ứng là Đạt/Tương đương/Không đạt theo tiêu chuẩn của E-HSMT.
- Tại cột Tài liệu tham chiếu: Nhà thầu dẫn chiếu cụ thể số trang trong catalog, đường dẫn tới trang website của nhà sản xuất hoặc các tài liệu kỹ thuật liên quan khác và highlight các nội dung đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT

### **Hướng dẫn kê khai Thông tin Nhà thầu:**

- Nhà thầu phải cung cấp Bảng Thông tin Nhà thầu (gồm file word/excel và bản scan có đóng dấu và chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công ty) đầy đủ thông tin như sau:

### **BẢNG THÔNG TIN NHÀ THẦU**

Tên gói thầu:

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Email:

SĐT người phụ trách thầu:

Thông tin NCC			Đáp ứng Bảng X: NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM (Tổng giá trị - VND)								
Mã định danh: [vn.....]	Tên đầy đủ công ty/ nhà thầu theo GPKD: [.....]; Đại diện Pháp luật; ủy quyền(Nếu có)	Đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế (đối với nhà thầu thương mại) hoặc đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (đối với nhà thầu là Nhà sản xuất): Số cấp; ngày cấp	Bảo đảm dự thầu	Hình thức + Đơn vị bảo lãnh	Họ tên + Chức vụ người ký	Số + thời gian ký + hiệu lực GUQ ký bảo lãnh (nếu có)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) * (VND)	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại) - (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)	Khả năng bảo hành, bảo trì	Ghi chú
...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	...

..., ngày .... tháng ... năm .....

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

## **Hướng dẫn kê khai Hợp đồng tương tự:**

Nhà thầu **lựa chọn một trong hai cách** để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự:

- Tính chất tương tự là hợp đồng cung cấp **vật tư y tế hoặc thiết bị y tế**. Nhà thầu kê khai theo Mẫu số 05A của E-HSMT (webform trên Hệ thống). .

- **Hoặc trong trường hợp** nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiệm thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (theo hướng dẫn tại ghi chú số (10) và số (11) của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm). Trường hợp nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa, nhà thầu phải kê khai bảng tính giá trị hợp đồng tương tự theo mẫu dưới đây.

Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu sau làm cơ sở xét tính chất và quy mô của hợp đồng tương tự **trong trường hợp nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa**. Chủ đầu tư xem xét và đánh giá hợp đồng tương tự trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của thông tin được cung cấp. Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT file excel và file scan có ký, đóng dấu hợp lệ của bảng kê khai theo mẫu dưới đây, **đồng thời cung cấp tài liệu chứng minh mã HS của mặt hàng tương tự bằng các tài liệu hợp lệ liên quan (tờ khai hải quan)**.

STT	Yêu cầu E-HSMT			Đáp ứng của E-HSDT				
	Danh mục hàng hóa	Mã HS yêu cầu <sup>(1)</sup>	Giá trị hợp đồng tương tự yêu cầu đối với từng mã HS yêu cầu (VND)	Tên thành viên liên danh đảm nhận (nếu có) <sup>(2)</sup>	Hợp đồng tương tự	Hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện	Mã HS của hạng mục hàng hóa tương tự <sup>(3)</sup>	Giá trị đã thực hiện của hạng mục hàng hóa tương tự
Hướng dẫn	(Nhà thầu ghi tên danh mục hàng hóa của E-HSMT)	(Nhà thầu tự xác định mã HS của hạng mục hàng hóa đang xét, đề nghị ghi đầy đủ các số của mã HS)	(Chi tiết tại Bảng X)	(Ghi tên thành viên liên danh cung cấp mặt hàng dự thầu tương ứng với các nội dung của Thỏa thuận liên danh. Giá trị hợp đồng tương tự của thành viên liên danh được xét trên cơ sở phần công việc đảm nhận)	(Nhà thầu ghi tên, số hiệu, ngày ký, chủ đầu tư, vai trò của nhà thầu (độc lập hay thành viên liên danh, tỷ lệ %	(Nhà thầu ghi STT, tên hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong hợp đồng tương tự)	(Nhà thầu kê khai mã HS của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện, đề nghị ghi đầy đủ các số của mã HS)	(Nhà thầu ghi giá trị phần công việc đã thực hiện tương ứng với Mã HS yêu cầu, lưu ý đính kèm tài liệu chứng minh phân giá trị thực hiện đó đã được hoàn thành. đảm bảo đáp ứng tối thiểu giá trị hợp đồng

STT	Yêu cầu E-HSMT			Đáp ứng của E-HSDT				
	Danh mục hàng hóa	Mã HS yêu cầu <sup>(1)</sup>	Giá trị hợp đồng tương tự yêu cầu đối với từng mã HS yêu cầu (VND)	Tên thành viên liên danh đảm nhận (nếu có) <sup>(2)</sup>	Hợp đồng tương tự	Hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện	Mã HS của hạng mục hàng hóa tương tự <sup>(3)</sup>	Giá trị đã thực hiện của hạng mục hàng hóa tương tự
					<i>liên danh)</i>			<i>tương tự yêu cầu của từng hạng mục)</i>
<i>1</i>	<i>.....</i>	<i>.....</i>						

**Ghi chú:** (1), (3): Nội dung chi tiết về cách xác định hợp đồng tương tự theo mã HS được quy định tại Ghi chú số (10) và số (11) tại Chương III E-HSMT, mục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

(2): Đối với nhà thầu là liên danh: từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu tương đương với phần công việc đảm nhận.

## **Mục 2. Bản vẽ**

Không có bản vẽ.

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Thực hiện kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa trước khi đưa vào sử dụng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bệnh viện có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bệnh viện có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

# PHỤ LỤC I

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### BẢN CAM KẾT

#### Kính gửi: Bệnh viện Bình Dân

Sau khi nghiên cứu E-HSMT của gói thầu Cung cấp Vật tư y tế Gói 15 năm 2025 (gồm 5 phần (lô), 49 mặt hàng) thuộc dự toán Mua sắm Vật tư y tế Gói 15 năm 2025.

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết các nội dung sau:

#### 1. Cam kết về tính hợp lệ của nhà thầu:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của E-HSMT. Các tài liệu cung cấp trong E-HSMT này đều chính xác (kể cả tài liệu nộp thầu), nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì E-HSMT xem như không hợp lệ.

- Hạch toán tài chính độc lập.

- Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Chủ đầu tư, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước đến hết năm tài chính 2024.

- Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo đúng yêu cầu hồ sơ mời thầu.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với Công ty tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho Công ty trúng thầu.

#### 2. Cam kết về các dịch vụ sau bán hàng:

- Nếu hàng hóa xảy ra việc không đáp ứng yêu cầu về một trong những yếu tố như: chất lượng, chủng loại, số lượng, khối lượng... như đã nêu trong hợp đồng, hồ sơ mời thầu và hồ sơ thầu dự thầu của nhà thầu, trong vòng 48 giờ nhà thầu sẽ cung cấp hàng hóa mới cùng

loại để thay thế. Trong trường hợp này, nhà thầu có trách nhiệm thu hồi hàng hóa không đạt yêu cầu.

- Cam kết thu hồi hàng hóa đã giao và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư nếu hàng hóa không đảm bảo chất lượng gây nên thiệt hại hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền (mà không do lỗi của Chủ đầu tư).

### **3. Cam kết về tiến độ và giao hàng:**

- Hàng hóa được giao hàng thành nhiều đợt theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện Bình Dân và thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng.

- Thời hạn giao hàng là trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện. Trường hợp cấp cứu đột xuất, giao hàng trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện. Hàng hóa cung cấp phải đảm bảo đầy đủ số lượng, chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hóa và giao hàng tại địa điểm theo yêu cầu tại Bệnh viện Bình Dân.

### **4. Cam kết về hàng hóa dự thầu:**

- Cam kết hàng hóa nhà thầu cung cấp được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng và lưu hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Phẩm chất, chất lượng đúng theo các chỉ tiêu do nhà sản xuất đưa ra, không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa và có đủ giấy tờ về xuất xứ, chất lượng.

- Cam kết trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong E-HSDT của mình thì nhà thầu nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp.

- Cam kết hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản trong kho và bảo quản trong quá trình vận chuyển đáp ứng yêu cầu của nhà sản xuất, đảm bảo chất lượng cho đến khi hàng được giao tới kho và không được hư hao, bể vỡ trong quá trình vận chuyển, nếu có sẽ được đổi lại.

- Cam kết hàng hóa có nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ với đầy đủ các thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan hiện hành.

- Cam kết hàng hóa là thiết bị y tế phải được niêm yết giá, kê khai giá và không bán cao hơn giá kê khai theo Nghị định 98/2021/NĐ - CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

- Cam kết trường hợp hàng hóa trúng thầu cần thiết bị y tế đặc thù để sử dụng nhưng không phù hợp với thiết bị sẵn có của Bệnh viện, nhà thầu trúng thầu có trách nhiệm cung

cấp thiết bị y tế để sử dụng hàng hóa trúng thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Thiết bị y tế cung cấp phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Giá hàng hóa trong trường hợp trúng thầu không cao hơn so với giá hàng hóa (cùng tên thương mại, hãng sản xuất, nước sản xuất) trúng thầu thấp nhất tại các cơ sở y tế công lập khác trong thời gian 6 tháng của đợt thầu năm 2025-2026. Trong trường hợp giá trúng thầu cho các cơ sở y tế khác thấp hơn, thì Nhà thầu phải giảm giá cung cấp cho Chủ đầu tư xuống bằng với giá cung cấp nơi đó, đồng thời Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả cho Chủ đầu tư số tiền tương đương giá trị chênh lệch và các khoản chi phí phát sinh (nếu có) tương ứng với số lượng hàng hóa đã sử dụng trước đó.

- Trong trường hợp bệnh viện có nhu cầu sử dụng vượt quá số lượng hàng hóa đã ký kết trong hợp đồng, nhà thầu chấp nhận cung cấp số lượng tùy chọn mua thêm theo quy định tại Khoản 8 Điều 39 Luật đấu thầu năm 2023

- Cam kết hàng hóa dự thầu đáp ứng các điều kiện khí hậu môi trường Việt Nam.

### **5. Cam kết về Biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa:**

- Cam kết có trình bày Biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế, phù hợp với quy mô gói thầu.

### **6. Cam kết về hạn sử dụng của hàng hóa:**

- Hạn sử dụng của hàng hóa phải được in trên bao bì của sản phẩm hoặc theo quy định của nhà sản xuất.

- Hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải còn hạn sử dụng tối thiểu là 2/3 thời hạn sử dụng in trên bao bì kể từ ngày bàn giao cho Bệnh viện Bình Dân.

- Các tài liệu trong hồ sơ dự thầu này đều chính xác, nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì E-HSDT xem như không hợp lệ.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ và hợp pháp của tất cả các tài liệu cung cấp trong Hồ sơ dự thầu.

- Cam kết tất cả các bản sao tài liệu, khi có yêu cầu thì nhà thầu phải xuất trình bản gốc để đối chiếu.

- Cam kết nhà thầu sẽ xuất trình tài liệu nếu được yêu cầu khi giao hàng bao gồm:

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản sao công chứng Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ); Bản sao tờ khai hải quan, vận đơn, packing list và các tài liệu chứng minh thiết bị được thông quan hợp pháp; Giấy phép nhập khẩu (nếu có);

+ Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam: Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng; Số đăng ký lưu hành (nếu có).

- ..... [ghi các cam kết khác của nhà thầu].

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trên.

..., ngày .... tháng ... năm .....

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**BIỆN PHÁP TỔ CHỨC, CUNG CẤP HÀNG HÓA**

**Kính gửi: Bệnh viện Bình Dân**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT gói thầu Cung cấp Vật tư y tế Gói 15 năm 2025 (gồm 5 phần (lô), 49 mặt hàng) thuộc dự toán mua sắm Mua sắm Vật tư y tế Gói 15 năm 2025, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết có các biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa phù hợp với gói thầu, hợp lý và hiệu quả kinh tế. Cụ thể như sau:

**1. Quy trình cung cấp hàng hóa:**

**1.1. Chuẩn bị và bảo quản hàng hóa:**

- Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, nhà thầu sẽ tiến hành kiểm tra hàng tồn kho nhằm lập kế hoạch đặt hàng đối với các mã hàng chưa có sẵn. Đối với các mã hàng có sẵn trong kho, nhà thầu sẽ thực hiện kiểm tra kỹ lưỡng về chất lượng và số lượng, bảo đảm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết với bệnh viện.

- Nhà thầu cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo đảm chất lượng theo đúng tiêu chuẩn và không có bất kỳ khuyết tật nào có thể gây ảnh hưởng bất lợi trong quá trình sử dụng thông thường. Hàng hóa đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và tuân thủ các quy định theo tiêu chuẩn Việt Nam. Trước khi bàn giao cho bệnh viện, nhà thầu sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng một cách nghiêm ngặt nhằm bảo đảm hàng hóa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đã cam kết trong hợp đồng.

**1.2. Cung ứng hàng hóa tại bệnh viện:**

- Căn cứ vào số lượng, chủng loại và yêu cầu bảo quản của hàng hóa, nhà thầu sẽ lựa chọn và sử dụng các phương tiện vận chuyển phù hợp. Nhà thầu cam kết bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng hoặc giảm sút chất lượng trong suốt quá trình vận chuyển.

- Đối với các vật tư y tế yêu cầu bảo quản lạnh, công ty cam kết bảo đảm điều kiện bảo quản phù hợp trong suốt quá trình vận chuyển, từ khi xuất kho cho đến khi giao nhận tại bệnh viện, nhằm duy trì chất lượng và hiệu quả của hàng hóa.

- Địa điểm giao hàng: theo yêu cầu của Bệnh viện.

- Khi giao hàng, nhà thầu sẽ cung cấp đầy đủ các chứng từ bao gồm:

- + Phiếu xuất kho;
- + Biên bản giao nhận;

- + Hóa đơn GTGT;
- + Bộ chứng từ nhập khẩu hàng hóa;
- + Các giấy tờ khác (nếu chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và đúng pháp luật).

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Trong vòng 2 ngày kể từ khi nhận được đơn đặt hàng từ Bệnh viện. Trong các trường hợp cấp bách, giao hàng trong 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Bệnh viện.

- Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa dưới sự giám sát của Bệnh viện và cán bộ kỹ thuật đại diện của Bệnh viện để chứng minh hàng hóa đó có chất lượng, thử nghiệm đặc điểm kỹ thuật ... phù hợp với các quy định trong hợp đồng.

- Mọi chi phí vận chuyển hoặc chi phí phát sinh do nhà thầu chịu.

- Nhà thầu sẽ tiến hành cung cấp hàng hóa thành một hoặc nhiều đợt khác nhau, tùy theo nhu cầu sử dụng thực tế của bệnh viện.

- Trong trường hợp hàng hóa do nhà thầu giao không đảm bảo chất lượng, gây thiệt hại cho Bệnh viện hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền (mà không do lỗi của Bệnh viện), nhà thầu cam kết thu hồi hàng hóa và chịu trách nhiệm bồi thường cho Bệnh viện.

## **2. Các biện pháp cung ứng hàng hóa khác do nhà thầu đề xuất (nếu có):**

..., ngày .... tháng ... năm .....

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

